

Số: 35/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày 07 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
Thông qua kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 3

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 2048/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về thông qua kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về thông qua kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2022.

Xét Tờ trình số 139/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2021, Công văn số 4048/UBND-TH ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 97/BC-HĐND-KTNS ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 với các nội dung như sau:

I. Nguyên tắc, thứ tự ưu tiên bố trí kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022

1. Danh mục dự án bố trí vốn năm 2022 phải thuộc danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước thông qua và đáp ứng điều kiện bố trí kế hoạch vốn theo quy định của Luật Đầu tư công.



2. Bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng (vốn tất toán các công trình đã quyết toán).
3. Bố trí lại kế hoạch vốn cho những dự án đã cắt giảm năm 2021.
4. Bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp phải hoàn thành năm 2022.
5. Bố trí đủ vốn cho nhiệm vụ quy hoạch, vốn đối ứng các dự án ODA, PPP, các Chương trình mục tiêu quốc gia.
6. Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên, mới bố trí vốn cho các dự án khởi công mới có trong danh mục đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

II. Nguồn vốn năm 2022

Tổng nguồn vốn năm 2022 là 7.292 tỷ 236 triệu đồng, bao gồm:

1. **Vốn ngân sách địa phương:** 6.223 tỷ 336 triệu đồng.
 Trong đó:
 - Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 477 tỷ 840 triệu đồng;
 - Nguồn thu tiền sử dụng đất: 4.893 tỷ 296 triệu đồng;
 - Nguồn thu xổ số kiến thiết: 803 tỷ 600 triệu đồng;
 - Đầu tư từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương: 18 tỷ 600 triệu đồng;
 - Vốn hỗ trợ của thành phố Hồ Chí Minh: 30 tỷ đồng.
2. **Nguồn ngân sách trung ương:** 1.068 tỷ 900 triệu đồng.

Trong đó:

- Vốn trong nước: 1.000 tỷ đồng;
- Vốn nước ngoài (ODA): 68 tỷ 900 triệu đồng.

(Kèm theo biểu tổng hợp)

III. Phương án phân bổ

1. Vốn ngân sách địa phương: 6.223 tỷ 336 triệu đồng (kèm theo biểu số 1), trong đó bố trí lại các dự án đã cắt giảm năm 2021 là 950 tỷ 830 triệu đồng (chi tiết tại phụ lục 1.1), bao gồm:

- 1.1. Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 477 tỷ 840 triệu đồng.
 Bao gồm:
 - Vốn phân cấp huyện, thị xã, thành phố: 300 tỷ 510 triệu đồng;
 - Vốn thực hiện dự án: 114 tỷ 497 triệu đồng;
 Trong đó dự án chuyển tiếp: 114 tỷ 497 triệu đồng;
 - Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 62 tỷ 833 triệu đồng.
- 1.2. Nguồn thu tiền sử dụng đất: 4.893 tỷ 296 triệu đồng.
 Bao gồm:
 - Vốn phân cấp huyện, thị xã, thành phố: 1.494 tỷ 696 triệu đồng;
 - Vốn thực hiện dự án: 3.010 tỷ 833 triệu đồng.
 Trong đó:
 - + Dự án chuyển tiếp: 1.458 tỷ 815 triệu đồng;



- + Dự án khởi công mới: 1.552 tỷ 018 triệu đồng.
- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 370 tỷ 600 triệu đồng;
- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 17 tỷ 167 triệu đồng.

1.3. Nguồn thu xổ số kiến thiết:

803 tỷ 600 triệu đồng.

Bao gồm:

- Vốn thực hiện dự án:

684 tỷ 200 triệu đồng.

Trong đó:

- + Dự án chuyển tiếp:

308 tỷ 800 triệu đồng.

- + Dự án khởi công mới:

375 tỷ 400 triệu đồng.

- Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:

119 tỷ 400 triệu đồng.

1.4. Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương:

18 tỷ 600 triệu đồng.

1.5. Vốn hỗ trợ của thành phố Hồ Chí Minh:

30 tỷ đồng.

2. Nguồn ngân sách trung ương:

1.068 tỷ 900 triệu đồng.

Bao gồm:

2.1. Vốn trong nước: 1.000 tỷ đồng (chi tiết tại biểu số 2).

Trong đó:

- Dự án chuyển tiếp:

726 tỷ 800 triệu đồng;

- Dự án khởi công mới:

273 tỷ 200 triệu đồng.

2.2. Vốn nước ngoài (ODA):

68 tỷ 900 triệu đồng.

(chi tiết tại biểu số 3)

Riêng nguồn thu xổ số kiến thiết bố trí cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo và y tế là 684 tỷ 200 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 85,1%; bố trí cho xây dựng nông thôn mới là 119 tỷ 400 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 14,9% đảm bảo không thấp hơn quy định của trung ương.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về thông qua kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2022.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TTTU, TTHĐND, UBND, BTUBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các phòng chức năng;
- Lưu: VT.



Huỳnh Thị Hằng



BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	 Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
	TỔNG SỐ	7.292.236	7.204.736	87.500	
I	Vốn ngân sách địa phương	6.223.336	6.204.736	18.600	
1	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	477.840	477.840		
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	4.893.296	4.893.296		
	Khối tỉnh	3.398.600	3.398.600		
	Khối huyện	1.494.696	1.494.696		
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	803.600	803.600		
4	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	18.600		18.600	Tỉnh vay lại TW vốn ADB của dự án Minh Lập-Lộc Hiệp
5	Hỗ trợ của thành phố Hồ Chí Minh	30.000	30.000		
II	Vốn ngân sách trung ương	1.068.900	1.000.000	68.900	
1	Vốn trong nước	1.000.000	1.000.000		
2	Vốn nước ngoài	68.900		68.900	

Ghi chú: Tiền sử dụng đất khối tỉnh năm 2022 là 3570 tỷ đồng. Để lại 171 tỷ 400 triệu đồng, bao gồm: 100 tỷ đồng chi đo đạc hồ sơ địa chính, dữ liệu đất đai; trích 2% dự phòng 71 tỷ 400 triệu đồng. Còn lại bố trí đầu tư công năm 2022 là 3.398 tỷ 600 triệu đồng.





Biểu số 1

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022						Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	
	Tổng số		12.892.001	13.185.400	2.818.863	6.223.336	477.840	4.893.296	803.600	18.600	30.000	
A	Vốn phân cấp huyện, thị xã, thành phố				286.200	1.795.206	300.510	1.494.696				
1	Thành phố Đồng Xoài					309.680	29.400	280.280				
	Trong đó:											
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%					84.084		84.084				
2	Thị xã Bình Long					134.855	25.095	109.760				
	Trong đó:											
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%					32.928		32.928				
3	Thị xã Phước Long					99.015	22.575	76.440				
	Trong đó:											
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%					22.932		22.932				
4	Huyện Đồng Phú					153.020	31.500	121.520				
	Trong đó:											
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%					36.456		36.456				
5	Huyện Bù Đăng					98.336	31.500	66.836				
	Trong đó:											
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%					20.051		20.051				
6	Huyện Bù Gia Mập					65.905	25.725	40.180				
	Trong đó:											
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%					12.054		12.054				
7	Huyện Chơn Thành					430.745	26.985	403.760				
	Trong đó:											
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%					121.128		121.128				
8	Huyện Hớn Quản					112.070	25.830	86.240				

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022						Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	
	Trong đó:											
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%					25.872		25.872				
9	Huyện Lộc Ninh					165.340	34.020	131.320				
	Trong đó:											
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%					39.396		39.396				
10	Huyện Bù Đốp					66.535	23.415	43.120				
	Trong đó:											
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%					12.936		12.936				
11	Huyện Phú Riềng					159.705	24.465	135.240				
	Trong đó:											
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%					40.572		40.572				
B	Vốn thực hiện dự án		12.892.001	11.640.400	1.966.663	3.858.130	114.497	3.010.833	684.200	18.600	30.000	
B1	Dự án chuyển tiếp		7.007.001	5.814.800	1.876.843	1.930.712	114.497	1.458.815	308.800	18.600	30.000	
I	Đối ứng dự án PPP			163.500	74.400	70.600	-	70.600	-	-	-	
1	Hạ tầng khu tái định cư Lâm viên và khu dân cư Phú Thịnh giai đoạn 2 phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài			163.500	74.400	70.600		70.600				Sở Xây dựng
II	Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị		5.145.001	4.060.500	1.249.495	1.261.330	60.000	1.152.730	-	18.600	30.000	-
1	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	2818/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	282.609	219.800	73.600	47.330		47.330				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xây dựng cầu dân sinh	3282/QĐ-UBND ngày 25/12/2020	135.000	121.000	75.000	46.000		46.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Đường Đồng Tiến - Tân Phú, huyện Đồng Phú	2293/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	180.000	110.000	30.600	35.000		35.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Nâng cấp, thảm nhựa các tuyến đường còn lại khu dân cư phía Bắc Tỉnh lỵ	1622/QĐ-UBND ngày 16/7/2020	200.000	160.000	82.000	78.000		78.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
5	Xây dựng tuyến kết nối ĐT.753B với đường Đồng Phú - Bình Dương (đoạn Lam Sơn - Tân Phước)	1996/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	180.000	162.000	84.000	78.000		78.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
6	Xây dựng đường kết nối ngang QL14 kéo dài ĐT 755 nối ĐT 753	1969/QĐ-UBND ngày 29/7/2021	100.000	90.000	1.000	30.000		30.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
7	Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước	2016/QĐ-UBND ngày 27/7/2016; 920/QĐ-UBND ngày 17/4/2017; 3204/QĐ-UBND ngày 7/12/2017	495.558	154.100	103.500	50.600		32.000		18.600		Ban QLDA ĐTXD tỉnh

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022						Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	
8	Nâng cấp ĐT 741 đoạn từ cầu Thác Mệ đến QL14C	1659/QĐ-UBND ngày 17/7/2018	89.834	27.800	15.800	12.000		12.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
9	Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường Minh Hưng - Đồng Nơ (3 hạng mục phát sinh, gồm: điện chiếu sáng công cộng, đường dây 22KVA và trạm biến áp, trồng cây sao đen hai bên đường)	212/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	80.000	65.000	50.200	14.800		14.800				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
10	Xây dựng đường Đồng Hư - Bàu Nôm, huyện Chơn Thành (Kết nối các tuyến đường Minh Thành-Bàu Nôm)	2023/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	70.000	63.000	34.000	29.000		29.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
11	Xây dựng đường trục chính từ ĐT.741 vào khu công nghiệp và khu dân cư Đồng Phú	213/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	340.000	306.000	10.000	50.000		50.000				UBND Huyện Đồng Phú
12	Nâng cấp đường nối trung tâm xã Tân Phước-Đồng Tiến-Đồng Tâm huyện Đồng Phú	2803/QĐ-UBND ngày 10/11/2020	40.000	36.000	6.000	30.000		30.000				UBND Huyện Đồng Phú
13	Xây dựng đường giao thông từ ĐT.741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	215/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	130.000	117.000	5.000	35.000		35.000				UBND Huyện Đồng Phú
14	Xây dựng đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến khu quy hoạch công nghiệp - thương mại - dịch vụ Becamex Bình Phước	2129/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	372.000	334.800	100.000	30.000		30.000				UBND huyện Đồng Phú
15	Nâng cấp đường từ Ngã 3 Xa Cát vào Khu công nghiệp Việt Kiều, huyện Hớn Quản	2021/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	270.000	243.000	25.000	40.000		40.000				UBND Huyện Hớn Quản
16	Xây dựng đường liên xã Phước An đi Tân Hưng và Tân Quan	3316/QĐ-UBND ngày 29/12/2020	60.000	54.000	10.000	24.000		24.000				UBND Huyện Hớn Quản
17	Xây dựng đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan huyện Hớn Quản	550/QĐ-UBND ngày 05/3/2021	180.000	162.000	15.000	50.000		50.000				UBND Huyện Hớn Quản
18	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bình đến QL14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú)	1988/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	250.000	225.000	45.000	60.000	60.000					UBND TP Đồng Xoài
19	Xây dựng đường Lý Thường Kiệt nối dài (đoạn từ đường Phú Riềng Đỏ đến đường Nguyễn Huệ, phường Tân Đồng)	1989/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	30.000	27.000	15.000	12.000		12.000				UBND TP Đồng Xoài
20	Nâng cấp, mở rộng đường kết nối từ trung tâm Long Giang đến Long Phước	1987/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	55.000	49.500	39.000	10.500		10.500				UBND TX Phước Long
21	Xây dựng đường và cải tạo lòng hồ Long Thủy, thị xã Phước Long	1945/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	80.000	72.000	40.000	32.000		32.000				UBND TX Phước Long
22	Xây dựng đường ĐT.752 nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	2067/QĐ-UBND ngày 24/8/2020	70.000	63.000	24.300	38.700		38.700				UBND TX Bình Long
23	Hỗ trợ Xây dựng tuyến đường kết nối khu dân cư Đại Nam ra xã Minh Lập huyện Chơn Thành	2141/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	130.000	117.000	895	40.000		40.000				UBND huyện Chơn thành
24	Nâng cấp, mở rộng đường trục chính vào Cụm công nghiệp và Khu nông nghiệp công nghệ cao Nha Bích	2206/QĐ-UBND ngày 04/9/2020	80.000	72.000	36.000	36.000		36.000				UBND huyện Chơn thành
25	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL.14 đi xã Đăk Nhau	2175/QĐ-UBND ngày 01/9/2020	80.000	72.000	30.000	22.000		22.000				UBND huyện Bù Đăng
26	Xây dựng đường từ QL14 xã Đức Liễu đi ĐT755 xã Thống Nhất	2142/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	60.000	54.000	3.000	30.000		30.000				UBND huyện Bù Đăng

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022						Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	
27	Xây dựng đường liên xã Phước Sơn đi Đồng Nai, huyện Bù Đăng (kết nối đường Vườn Chuối - Bù Lạch)	595/QĐ-UBND ngày 12/3/2021	60.000	54.000	3.000	30.000		30.000				UBND huyện Bù Đăng
28	Nâng cấp đường 13B từ ngã ba Chiu Riu đến các dự án điện năng lượng mặt trời và nhánh rẽ X16	2028/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	90.000	81.000	60.000	21.000		21.000				UBND huyện Lộc Ninh
29	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.760 từ ngã tư ĐT.741 đến cầu Đak O (Tuyến 1) và đường liên xã Đức Hạnh - Phú Văn từ ĐT.741 đến ngã tư Quốc Tế, xã Phú Văn (Tuyến 2)	2140/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	150.000	135.000	20.000	30.000					30.000	UBND huyện Bù Gia Mập
30	Xây dựng các tuyến đường khu trung tâm hành chính huyện Bù Gia Mập	2125/QĐ-UBND ngày 27/08/2020	90.000	81.000	39.000	42.000		42.000				UBND huyện Bù Gia Mập
31	Nâng cấp đường ĐT.759B đoạn từ chợ Tân Thành đi Cửa khẩu Cầu Trảng	2026/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	40.000	36.000	26.000	10.000		10.000				UBND huyện Bù Đốp
32	Đường tránh QL 13 đoạn qua thị trấn Lộc Ninh huyện Lộc Ninh	2484/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	190.000	80.000	42.600	37.400		37.400				UBND huyện Lộc Ninh
33	Xây dựng đường vào Khu công nghiệp Long Tân	2022/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	85.000	76.500	25.000	25.000		25.000				UBND huyện Phú Riềng
34	Nâng cấp mở rộng đường liên huyện Phú Riềng - Bù Đăng	1230/QĐ-UBND ngày 13/5/2021	200.000	180.000	5.000	55.000		55.000				UBND huyện Phú Riềng
35	Xây dựng đường kết nối từ Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng hướng về cầu Long Tân - Tân Hưng Hớn Quản	2041/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	100.000	90.000	25.000	30.000		30.000				UBND huyện Phú Riềng
36	Xây dựng cầu Long Tân-Tân Hưng kết nối 2 huyện Phú Riềng và Hớn Quản	2316/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	100.000	70.000	50.000	20.000		20.000				UBND huyện Phú Riềng
III	Hạ tầng khu công nghiệp, KKT		260.000	234.000	61.960	109.600	-	109.600	-	-	-	-
1	Xây dựng mương thoát nước và đường giao thông ngoài Khu công nghiệp và khu dân cư Becamex Bình Phước (giai đoạn II)	2025/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	100.000	90.000	26.300	30.000		30.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành II	2908/QĐ-UBND ngày 19/11/2020	60.000	54.000	260	25.000		25.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Xây dựng mương cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Việt Kiều	2029/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	50.000	45.000	14.400	30.600		30.600				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Xây dựng mương, cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Tân Khai II (nối tiếp)	2024/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	50.000	45.000	21.000	24.000		24.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
IV	Thủy lợi		60.000	54.000	32.000	22.000	-	22.000	-	-	-	-
1	Xây dựng hệ thống kênh dẫn 6 km sử dụng nước sau thủy điện Cánh Đơn cho cánh đồng Sóc Nẻ, xã Tân Tiến, huyện Bù Đốp	2027/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	30.000	27.000	10.000	17.000		17.000				UBND huyện Bù Đốp
2	Xây dựng hệ thống kênh thủy lợi nội đồng xã An Khương, huyện Hớn Quản	1985/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	30.000	27.000	22.000	5.000		5.000				UBND Huyện Hớn Quản
V	Giáo dục và Đào tạo		1.081.500	936.000	236.260	288.500	-	-	288.500	-	-	-
1	Trường Cao đẳng Bình Phước	2953/QĐ-UBND ngày 25/11/2020	150.000	110.000	60.000	50.000			50.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xây dựng khối phòng học, thư viện-trung tâm nghiên cứu khoa học Trường THPT Đồng Xoài	1643a/QĐ-UBND ngày 20/7/2020	71.500	51.500	25.500	25.000			25.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022						Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	
3	Xây dựng Trường THPT Phú Riêng	2077/QĐ-UBND ngày 13/8/2021	85.000	77.000	20.000	30.000			30.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Dự án đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	400.000	360.000	1.760	50.000			50.000			Sở Giáo dục và Đào tạo
5	Xây dựng trường THPT Bình Long	1990/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	150.000	135.000	35.000	35.000			35.000			UBND TX Bình Long
6	Xây dựng Khối hiệu bộ, khối bộ môn, nhà đa năng Trường THPT Tân Tiến	1407/QĐ-UBND ngày 31/5/2021	30.000	27.000	12.000	15.000			15.000			UBND huyện Bù Đốp
7	Xây dựng Khối hiệu bộ và nhà đa năng Trường THPT Lê Quý Đôn	1125/QĐ-UBND ngày 4/5/2021	15.000	13.500	6.000	7.500			7.500			UBND huyện Bù Đốp
8	Xây dựng 10 phòng học và nhà đa năng THPT Lương Thế Vinh	1149/QĐ-UBND ngày 5/4/2021	15.000	13.500	6.000	7.500			7.500			UBND huyện Bù Đốp
9	Xây dựng Trường Tiểu học Võ Thị Sáu, xã Đường 10, huyện Bù Đốp	2146/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	50.000	45.000	20.000	15.000			15.000			UBND huyện Bù Đốp
10	Xây dựng Trường mẫu giáo Sơn Ca xã Thống Nhất, huyện Bù Đốp	560/QĐ-UBND ngày 08/3/2021	20.000	18.000	11.000	7.000			7.000			UBND huyện Bù Đốp
11	Xây dựng Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS	1975/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	50.000	45.000	25.000	20.000			20.000			UBND huyện Lộc Ninh
12	Xây dựng 12 phòng học và nhà đa năng THPT Lộc Hiệp	1103/QĐ-UBND ngày 29/4/2021	15.000	13.500	6.000	7.500			7.500			UBND huyện Lộc Ninh
13	Xây dựng trường tiểu học Hoàng Diệu xã Phú Nghĩa	3094/QĐ-UBND ngày 07/12/2020	30.000	27.000	8.000	19.000			19.000			UBND huyện Bù Gia Mập
VI	Y tế		68.500	48.500	28.200	20.300	-	-	20.300	-	-	-
1	Xây dựng và mua sắm trang thiết bị bệnh viện y học cổ truyền tỉnh (giai đoạn II)	2785/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	68.500	48.500	28.200	20.300			20.300			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
VII	Văn hóa xã hội		255.000	229.500	89.800	89.700	22.000	67.700	-	-	-	-
1	Xây dựng Nhà thi đấu đa năng tỉnh Bình Phước	3284/QĐ-UBND ngày 25/12/2020	150.000	135.000	63.800	31.200		31.200				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Hệ thống sản xuất chương trình phát thanh và tổng không chế truyền dẫn	1691/QĐ-UBND ngày 30/6/2021	30.000	27.000	5.000	22.000	22.000					Đài PTTH và Báo Bình Phước
3	Hệ thống sản xuất truyền hình và lưu trữ trung tâm	1689/QĐ-UBND ngày 30/6/2021	35.000	31.500	5.000	26.500		26.500				Đài PTTH và Báo Bình Phước
4	Trung tâm văn hóa thể dục thể thao huyện Bù Gia Mập	2124/QĐ-UBND ngày 27/08/2020	40.000	36.000	16.000	10.000		10.000				UBND huyện Bù Gia Mập
VIII	Quốc phòng - An ninh		77.000	30.000	15.200	14.800	-	14.800	-	-	-	-
1	Xây dựng phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh	2312/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	52.000	20.000	12.000	8.000		8.000				Công an tỉnh
2	Đội cảnh sát PCCC&CNCH khu vực huyện Bù Đốp	2261/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	25.000	10.000	3.200	6.800		6.800				Công an tỉnh
IX	Tất toán công trình đã quyết toán				63.225	21.385		21.385				Phụ lục 1.2
X	Vốn lập quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật quy hoạch		60.000	58.800	26.303	32.497	32.497					Sở KHĐT
B2	Dự án khởi công mới		5.885.000	5.825.600	89.820	1.927.418	-	1.552.018	375.400	-	-	-
I	Giao thông và Hạ tầng đô thị		4.580.000	4.129.100	4.500	1.229.018	-	1.229.018	-	-	-	-
1	Nâng cấp, mở rộng QL14 đoạn Đồng Xoài - Chơn Thành	3075/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	1.450.000	1.305.000	3.000	264.549		264.549				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xây dựng đường nối Đồng Tiến - Tân Phú nối dài đến Tân Lập	1355/QĐ-UBND ngày 26/5/2021	200.000	180.000		50.000		50.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022						Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	
3	Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Bàu Bàng	1328/QĐ-UBND ngày 24/5/2021	440.000	396.000		130.469		130.469				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Xây dựng đường vành đai Suối Cam 1,2 kết nối QL14	3076/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	450.000	405.000	1.500	50.000		50.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
5	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 741 kết nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập (đoạn từ dốc Cùi Chỏ qua TTHC huyện Bù Gia Mập tới giáp QL 14C)	3077/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	80.000	72.000		40.000		40.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
6	Xây dựng đường liên xã Đồng Nai đi xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	1920/QĐ-UBND ngày 26/7/2021	40.000	36.000		15.000		15.000				UBND huyện Bù Đăng
7	Xây dựng đường từ Trung tâm hành chính huyện Chơn Thành đi xã Quang Minh kết nối KCN Becamex	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	100.000	90.000		30.000		30.000				UBND huyện Chơn thành
8	Xây dựng Đường Nguyễn Văn Linh nối dài (từ QL14 nối với quy hoạch dự án Becamex - Bình Phước)	1274/QĐ-UBND ngày 18/5/2021	60.000	54.000		30.000		30.000				UBND huyện Chơn thành
9	Xây dựng đường liên xã Nha Bích - Minh Thắng	2683/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	80.000	72.000		30.000		30.000				UBND huyện Chơn Thành
10	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH từ xã Đa Kì qua xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập đi xã Long Bình, huyện Phú Riềng	584/QĐ-UBND ngày 11/3/2021	60.000	54.000		30.000		30.000				UBND huyện Bù Gia Mập
11	Nâng cấp mở rộng đường từ cầu bắc qua Sông Bé (kết nối TX Phước Long và huyện Bù Gia Mập đến QL 14c)	2408/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	75.000	67.500		38.000		38.000				UBND huyện Bù Gia Mập
12	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT.759B đi trung tâm thương mại huyện Bù Đốp	362/QĐ-UBND ngày 05/2/2021	55.000	49.500		22.000		22.000				UBND huyện Bù Đốp
13	Xây dựng đường tránh trung tâm hành chính huyện Bù Đốp	2063/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	160.000	144.000		40.000		40.000				UBND huyện Bù Đốp
14	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT.759B đoạn từ đồn biên phòng 789 đi sông Măng qua cửa khẩu Hoàng Diệu	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020; 18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	120.000	115.000		20.000		20.000				UBND huyện Bù Đốp
15	Xây dựng đường Hùng Vương nối dài	236/QĐ-UBND ngày 26/01/2021	80.000	72.100		40.000		40.000				UBND huyện Bù Đốp
16	Xây dựng cầu bắc qua Sông Bé (nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập)	2209/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	80.000	72.000		35.000		35.000				UBND TX Phước long
17	Xây dựng đường từ ĐT 759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khế Bà Định và nhà tù Bà Rá	2205/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	60.000	54.000		30.000		30.000				UBND TX Phước long
18	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 (gần Công ty cao su Phước Long, huyện Phú Riềng) đến đường ĐT 759 (khu vực Long Điền, Long Phước)	2208/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	60.000	54.000		30.000		30.000				UBND TX Phước long
19	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá	3025/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	50.000	45.000		17.000		17.000				UBND TX Phước long
20	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thái Học nối dài kết nối huyện Hớn Quản	588/QĐ-UBND ngày 11/3/2021	130.000	117.000		30.000		30.000				UBND TX Bình Long

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022					Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	
21	Xây dựng đường Lê Đại Hành thị xã Bình Long nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	469/QĐ-UBND ngày 26/2/2021	130.000	117.000		80.000		80.000			UBND TX Bình Long
22	Xây dựng đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh kết nối QL13	2204/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	30.000	27.000		20.000		20.000			UBND huyện Lộc Ninh
23	Xây dựng đường liên xã Lộc Thái - Lộc Khánh kết nối QL13	2138/QĐ-UBND ngày 24/8/2022	30.000	27.000		15.000		15.000			UBND huyện Lộc Ninh
24	Xây dựng đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành kết nối QL13	1461/QĐ-UBND ngày 03/7/2021	45.000	40.500		20.000		20.000			UBND huyện Lộc Ninh
25	Đường Trường Chinh (đoạn qua khu đô thị Cát Tường)	2409/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	80.000	72.000		20.000		20.000			UBND TP Đồng Xoài
26	Xây dựng đường vào trại giam An Phước	1431/QĐ-UBND ngày 02/6/2021	65.000	58.500		45.000		45.000			UBND TP Đồng Xoài
27	Xây dựng đường từ xã Phú Trung đi xã Phước Tân, kết nối ĐH 312 với đường ĐT 759	3072/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	120.000	108.000		15.000		15.000			UBND huyện Phú Riềng
28	Xây dựng đường liên huyện Phú Riềng (xã Long Bình) - Bù Gia Mập (xã Bình Thắng)	2084/QĐ-UBND ngày 16/8/2021	50.000	45.000		15.000		15.000			UBND huyện Phú Riềng
29	Xây dựng kết nối đường liên huyện Phú Riềng - Cầu Long Tân - Tân Hưng (Hớn Quản)	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	90.000	81.000		15.000		15.000			UBND huyện Phú Riềng
30	Xây dựng các tuyến đường từ thị trấn Tân Khai kết nối với các tuyến đường đi xã Phước An, Đồng Nơ và Minh Đức, huyện Hớn Quản	2064/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	110.000	99.000		12.000		12.000			UBND huyện Hớn Quản
II	Hạ tầng khu công nghiệp, KKT		200.000	180.000	-	60.000	-	60.000	-	-	-
1	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng III mở rộng	1029/QĐ-UBND ngày 23/4/2021	50.000	45.000		15.000		15.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng Sikico mở rộng	1127/QĐ-UBND ngày 04/5/2021	50.000	45.000		15.000		15.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc kéo dài	1030/QĐ-UBND ngày 23/4/2021	50.000	45.000		15.000		15.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Xây dựng nối tiếp mương thoát nước ngoài hàng rào Khu công nghiệp Đồng Xoài III (Đoạn Suối Dinh - Khu CN Đồng Xoài II)	809/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	50.000	45.000		15.000		15.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
III	Nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp		20.000	50.000	7.000	20.000	-	20.000			
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển lâm nghiệp bền vững	1420/QĐ-UBND ngày 01/6/2021	20.000	18.000		10.000		10.000			Chi cục Kiểm Lâm
2	Bổ sung thêm vốn điều lệ phát triển hợp tác xã			32.000	7.000	10.000		10.000			Liên minh HTX tỉnh
IV	Giáo dục và Đào tạo		455.000	899.500	78.320	383.400	-	98.000	285.400	-	-
1	Dự án kiến cổ hóa phòng học tạm, phòng học bán kiên cố cấp học Mầm non và Tiểu học cho vùng đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa theo Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ	2212/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	300.000	270.000	1.320	50.000			50.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Hỗ trợ các huyện xây dựng 390 phòng học			490.000	77.000	273.000	-	98.000	175.000	-	-
2.1	Thị xã Bình Long (30 phòng)					21.000		7.000	14.000		
2.2	Thị xã Phước Long (30 phòng)					21.000		7.000	14.000		

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022					Chủ đầu tư	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh
2.3	Huyện Phú Riềng (70 phòng)					49.000		14.000	35.000			
2.4	Huyện Đồng Phú (30 phòng)					21.000		7.000	14.000			
2.5	Huyện Hớn Quản (40 phòng)					28.000		7.000	21.000			
2.6	Huyện Bù Gia Mập (30 phòng)				21.000	21.000		7.000	14.000			
2.7	Huyện Lộc Ninh (50 phòng)					35.000		14.000	21.000			
2.8	Huyện Bù Đốp (10 phòng)				21.000	7.000			7.000			
2.9	Huyện Bù Đăng (100 phòng)				35.000	70.000		35.000	35.000			
3	Xây dựng trường mầm non Tân Lập	2458/QĐ-UBND ngày 30/9/2020; 2808/QĐ-UBND ngày 01/11/2021	25.000	22.500		12.400			12.400			UBND huyện Đồng Phú
4	Xây dựng trường mầm non Đồng Nơ (phục vụ KCN Minh Hưng - Sikico)	237/QĐ-UBND ngày 26/01/2021	30.000	27.000		10.000			10.000			UBND huyện Hớn Quản
5	Trường mẫu giáo Hoa Phượng xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	2072/QĐ-UBND ngày 13/8/2021	20.000	18.000		9.000			9.000			UBND huyện Bù Đăng
6	Xây dựng Trường mẫu giáo xã Lộc Hưng	1995/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	20.000	18.000		9.000			9.000			UBND huyện Lộc Ninh
7	Xây dựng trường mầm non Phước Thiện	153/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	30.000	27.000		10.000			10.000			UBND huyện Bù Đốp
8	Xây dựng trường Tiểu học Thanh Bình B	883/QĐ-UBND ngày 06/4/2021	30.000	27.000		10.000			10.000			UBND huyện Bù Đốp
V	Y tế		250.000	225.000	-	90.000	-	-	90.000	-	-	
1	Nâng cấp trung tâm y tế thị xã Phước Long	2213/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	50.000	45.000		25.000			25.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Nâng cấp trung tâm y tế huyện Lộc Ninh	2207/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	50.000	45.000		25.000			25.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Đầu tư trang thiết bị y tế khám chữa bệnh và phẫu thuật từ xa	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	150.000	135.000		40.000			40.000			Sở Y tế
VI	Văn hóa xã hội		250.000	225.000	-	90.000	-	90.000	-	-	-	
1	Hiện đại hóa hệ thống sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình tỉnh Bình Phước	2833/QĐ-UBND ngày 03/11/2021	130.000	117.000		40.000		40.000				Đài PTTH và Báo Bình Phước
2	Xây dựng cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	3078/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	120.000	108.000		50.000		50.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
VII	Công nghệ thông tin, chính quyền điện tử, chuyển đổi số		60.000	54.000	-	30.000	-	30.000	-	-	-	
1	Đầu tư hệ thống loa thông minh cho các xã, phường, thị trấn	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	60.000	54.000		30.000		30.000				Sở TT&TT
VIII	Quốc phòng - An ninh		70.000	63.000	-	25.000	-	25.000	-	-	-	
1	Xây dựng trụ sở làm việc của Ban CHQS thị xã Phước Long	152/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	35.000	31.500		15.000		15.000				Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
2	Xây dựng Hội trường 400 chỗ Công An tỉnh	3004/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	35.000	31.500		10.000		10.000				Công an tỉnh

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022						Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	
C	Chương trình MTQG nông thôn mới			1.295.000	486.000	490.000		370.600	119.400			Văn phòng điều phối NTM chủ trì, phối hợp với Sở KHĐT tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết
D	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững			250.000	80.000	80.000	62.833	17.167				Sở LĐTBXH chủ trì, phối hợp với Sở KHĐT, Ban Dân tộc tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết



Phụ lục 1.1

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẮT GIẢM NĂM 2021 BỔ TRÍ LẠI NĂM 2022

(Ban hành theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Số vốn cắt giảm năm 2021	Số vốn bổ trí lại năm 2022	Lý do không bổ trí lại năm 2022	Chủ đầu tư
	Tổng số (A+B)	1.500.000	950.830		
A	Khối tỉnh	1.027.000	481.230		
I	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	680.400	334.500		
1	Hệ thống thoát nước ngoài hàng rào Becamex Bình Phước	11.600		Dự án hoàn thành, chờ quyết toán	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Các tuyến đường số 2, 3, 4, 5 và 7 KCN Đồng Xoài I	30.000		Vướng GPMB và đang điều chỉnh thời gian thực hiện dự án	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Đường Đồng Tiến - Tân Phú, huyện Đồng Phú	34.400	34.400		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Nâng cấp mở rộng ĐT 753B kết nối đường Đồng Phú - Bình Dương	58.700		Tạm dừng chờ xin chủ trương	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
5	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	46.700	46.700		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
6	Nâng cấp, thảm nhựa các tuyến đường còn lại khu dân cư phía Bắc Tỉnh lỵ	38.000	38.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
7	Xây dựng cầu dân sinh	5.000	5.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
8	Dự án xây dựng kè và nạo vét hồ Suối Cam	22.500		Dự án hoàn thành, chờ quyết toán	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
9	Xây dựng và mua sắm trang thiết bị bệnh viện y học cổ truyền tỉnh (giai đoạn II)	20.300	20.300		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
10	Xây dựng cầu nổi và sân vườn bệnh viện đa khoa tỉnh	4.000		Dự án hoàn thành, chờ quyết toán	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
11	Xây dựng khối phòng học, thư viện-trung tâm nghiên cứu khoa học Trường THPT Đồng Xoài	21.000	21.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
12	Xây dựng mương cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Việt Kiều	15.600	15.600		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
13	Xây dựng mương, cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Tân Khai II (nối tiếp)	9.000	9.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
14	Xây dựng mương thoát nước và đường giao thông ngoài Khu công nghiệp và khu dân cư Becamex Bình Phước (giai đoạn II)	12.200	12.200		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
15	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành II	19.000	19.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
16	Xây dựng đường Đồng Hưu - Bầu Nôm, huyện Chơn Thành (Kết nối các tuyến đường Minh Thành-Bầu Nôm)	29.000	29.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
17	Xây dựng đường Đồng Xoài - Tân Lập (vành đai phía Tây hồ suối Giai)	18.300	18.300		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
18	Xây dựng đường kết nối ngang QL14 kéo dài ĐT 755 nối ĐT 753	18.000	18.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
19	Nâng cấp ĐT 741 đoạn từ cầu Thác Mệ đến QL14C	12.000	12.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
20	Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường Minh Hưng - Đồng Nơ (3 hạng mục phát sinh, gồm: điện chiếu sáng công cộng, đường dây 22KVA và trạm biến áp, trồng cây sao đen hai bên đường)	14.800	14.800		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
21	Xây dựng Trường THPT Phú Riềng	10.000	10.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh

STT	Danh mục dự án	Số vốn cắt giảm năm 2021	Số vốn bố trí lại năm 2022	Lý do không bố trí lại năm 2022	Chủ đầu tư
22	GPMB xây dựng trung tâm giáo dục, đổi mới sáng tạo tỉnh	200.000		Dự án đang hoàn thiện thủ tục đầu tư	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
23	Xây dựng Nhà thi đấu đa năng tỉnh Bình Phước	11.200	11.200		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
24	Tất toán các công trình quyết toán	1.296			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
25	Chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025	17.804			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
II	Các chủ đầu tư khác	346.600	146.730		
1	Hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án BOT đường Đồng Phú Bình Dương	160.000		Tạm dừng chờ xin chủ trương	CT cao su Bình Phước
2	Dự án đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025	36.000	36.000		Sở GDĐT
3	Hỗ trợ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp	20.000		Các chủ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp chưa hoàn thiện thủ tục	Sở Công thương
4	Hạ tầng khu tái định cư Lâm viên và khu dân cư Phú Thịnh giai đoạn 2 phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài	89.100	70.600	Chỉ bố trí lại 70 tỷ 600 triệu đồng do điều chỉnh cắt giảm một số hạng mục	Sở Xây dựng
5	Vốn lập quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật quy hoạch	5.330	5.330		Sở KHĐT
6	Hệ thống sản xuất chương trình phát thanh và tổng không chế truyền dẫn	10.000	10.000		Đài PTTH và Báo Bình Phước
7	Hệ thống sản xuất truyền hình và lưu trữ trung tâm	10.000	10.000		Đài PTTH và Báo Bình Phước
8	Xây dựng, nâng cấp doanh trại Bệnh xá K23 BCH Quân sự tỉnh	1.100		Dự án hoàn thành, chờ quyết toán	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh
9	Xây dựng, nâng cấp Trường Quân sự Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	270		Dự án hoàn thành, chờ quyết toán	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh
10	Xây dựng phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh	8.000	8.000		Công an tỉnh
11	Đội cảnh sát PCCC&CNCH khu vực huyện Bù Đăng	6.800	6.800		Công an tỉnh
B	Khối huyện	473.000	469.600		
I	Thành phố Đồng Xoài	37.000	37.000		
1	Xây dựng đường vào trại giam An Phước	20.000	20.000		UBND thành phố Đồng Xoài
2	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bình đến QL14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú)	5.000	5.000		UBND thành phố Đồng Xoài
3	Xây dựng đường Lý Thường Kiệt nối dài (đoạn từ đường Phú Riêng Đỏ đến đường Nguyễn Huệ, phường Tân Đồng)	12.000	12.000		UBND thành phố Đồng Xoài
II	Thị xã Phước Long	5.000	5.000		
1	Xây dựng đường và cải tạo lòng hồ Long Thủy; thị xã Phước Long	5.000	5.000		UBND thị xã Phước Long
III	Thị xã Bình Long	15.000	13.700		
1	Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT 752 (đoạn thị xã Bình Long đi trường chuyên Bình Long)	1.300		Dự án hoàn thành, chờ quyết toán	UBND thị xã Bình Long
2	Xây dựng đường ĐT.752 nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	8.700	8.700		UBND thị xã Bình Long
3	Xây dựng trường THPT Bình Long	5.000	5.000		UBND thị xã Bình Long
IV	Huyện Chơn Thành	36.000	36.000		
1	Nâng cấp, mở rộng đường trục chính vào Cụm công nghiệp và Khu nông nghiệp công nghệ cao Nha Bích	36.000	36.000		UBND huyện Chơn Thành
V	Huyện Hớn Quản	30.000	30.000		



STT	Danh mục dự án	Số vốn cắt giảm năm 2021	Số vốn bố trí lại năm 2022	Lý do không bố trí lại năm 2022	Chủ đầu tư
1	Xây dựng đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan huyện Hớn Quản	15.000	15.000		UBND huyện Hớn Quản
2	Xây dựng hệ thống kênh thủy lợi nội đồng xã An Khương, huyện Hớn Quản	5.000	5.000		UBND huyện Hớn Quản
3	Xây dựng đường liên xã Phước An đi Tân Hưng và Tân Quan huyện Hớn Quản	10.000	10.000		UBND huyện Hớn Quản
VI	Huyện Đồng Phú	105.000	105.000		
1	Xây dựng đường giao thông từ ĐT.741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	35.000	35.000		UBND huyện Đồng Phú
2	Xây dựng đường trục chính từ ĐT.741 vào khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú	40.000	40.000		UBND huyện Đồng Phú
3	Nâng cấp đường nối trung tâm xã Tân Phước-Đồng Tiến-Đồng Tâm huyện Đồng Phú	30.000	30.000		UBND huyện Đồng Phú
VII	Huyện Bù Đăng	91.000	91.000		
1	Tinh hỗ trợ có mục tiêu xây dựng 50 phòng học	35.000	35.000		UBND huyện Bù Đăng
2	Xây dựng Đường từ QL14 xã Đức Liễu đi ĐT755 xã Thống Nhất	17.000	17.000		UBND huyện Bù Đăng
3	Xây dựng đường liên xã Phước Sơn đi Đồng Nai, huyện Bù Đăng (kết nối đường Vườn Chuối - Bù Lạch)	17.000	17.000		UBND huyện Bù Đăng
4	Xây dựng Trường mẫu giáo Sơn Ca xã Thống Nhất, huyện Bù Đăng	7.000	7.000		UBND huyện Bù Đăng
5	Xây dựng Khối hiệu bộ và nhà đa năng Trường THPT Lê Quý Đôn	7.500	7.500		UBND huyện Bù Đăng
6	Xây dựng 10 phòng học và nhà đa năng THPT Lương Thế Vinh	7.500	7.500		UBND huyện Bù Đăng
VIII	Huyện Lộc Ninh	44.900	44.900		
1	Đường tránh QL 13 đoạn qua thị trấn Lộc Ninh huyện Lộc Ninh	37.400	37.400		UBND huyện Lộc Ninh
2	Xây dựng 12 phòng học và nhà đa năng THPT Lộc Hiệp	7.500	7.500		UBND huyện Lộc Ninh
IX	Huyện Bù Đốp	51.100	49.000		
1	Tinh hỗ trợ có mục tiêu xây dựng 10 phòng học	7.000	7.000		UBND huyện Bù Đốp
2	Xây dựng hệ thống kênh dẫn 6 km sử dụng nước sau thủy điện Cần Đơn cho cánh đồng Sóc Nê, xã Tân Tiến, huyện Bù Đốp	17.000	17.000		UBND huyện Bù Đốp
3	Nâng cấp mở rộng đường ĐT 759B đoạn từ xã Phước Thiện đi cửa khẩu Hoàng Diệu	2.100		Dự án hoàn thành, chờ quyết toán	UBND huyện Bù Đốp
4	Nâng cấp đường ĐT.759B đoạn từ chợ Tân Thành đi Cửa khẩu Cầu Trảng	10.000	10.000		UBND huyện Bù Đốp
5	Xây dựng Khối hiệu bộ, khối bộ môn, nhà đa năng Trường THPT Tân Tiến	15.000	15.000		UBND huyện Bù Đốp
X	Huyện Bù Gia Mập	28.000	28.000		
1	Tinh hỗ trợ có mục tiêu xây dựng 30 phòng học	21.000	21.000		UBND huyện Bù Gia Mập
2	Xây dựng trường tiểu học Hoàng Diệu xã Phú Nghĩa	7.000	7.000		UBND huyện Bù Gia Mập
XI	Huyện Phú Riềng	30.000	30.000		



STT	Danh mục dự án	Số vốn cắt giảm năm 2021	Số vốn bố trí lại năm 2022	Lý do không bố trí lại năm 2022	Chủ đầu tư
1	Xây dựng cầu Long Tân-Tân Hưng kết nối 2 huyện Phú Riềng và Hớn Quản	20.000	20.000		UBND huyện Phú Riềng
2	Nâng cấp mở rộng đường liên huyện Phú Riềng - Bù Đăng	10.000	10.000		UBND huyện Phú Riềng





Phụ lục 1.2

KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2022 TẤT TOÁN CÔNG TRÌNH ĐÃ QUYẾT TOÁN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự toán	Kế hoạch vốn năm 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
	Tổng số		21.385		
1	Mua xi măng thực hiện xây dựng đường giao thông nông thôn theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2019	1500/QĐ-UBND ngày 08/6/2021	265	Văn phòng điều phối chương trình MTQG xây dựng NTM	Không vượt tổng mức đầu tư
2	Đường nhựa giao thông biên giới (tuyến Hoa Lư - Chiu Riu và Lộc Thiện - Tà Nốt) huyện Lộc Ninh (đoạn 1 tuyến Hoa Lư - Chiu Riu)	1718/QĐ-UBND ngày 30/6/2021	732	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
3	Dự án Phát triển giáo dục trung học giai đoạn 2 (khoản vay chính sách) tỉnh Bình Phước	1713/QĐ-UBND ngày 30/6/2021	7	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
4	Xây dựng hàng rào khu căn cứ Bộ chỉ huy miền tả thiết (giai đoạn 2)	1933/QĐ-UBND ngày 26/7/2021	91	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
5	Trường Mầm non Hoa Hồng, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú	1934/QĐ-UBND ngày 26/7/2021	1.591	UBND huyện Đồng Phú	Không vượt tổng mức đầu tư
6	Trường Mầm non Hòa Mi, thị xã Đồng Xoài, (giai đoạn 2)	1938/QĐ-UBND ngày 27/7/2021	189	UBND thành phố Đồng Xoài	Không vượt tổng mức đầu tư
7	Bệnh viện Đa khoa huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	2168/QĐ-UBND ngày 27/8/2021	384	UBND huyện Hớn Quản	Không vượt tổng mức đầu tư
8	Trường phổ thông Dân tộc nội trú THCS huyện Bù Đốp	2623/QĐ-UBND ngày 09/10/2021	1.985	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
9	Trường THPT Thanh Hòa, huyện Bù Đốp	2624/QĐ-UBND ngày 09/10/2021	2.501	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
10	Trường Mẫu giáo Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập	2716/QĐ-UBND ngày 20/10/2021	796	UBND huyện Bù Gia Mập	Không vượt tổng mức đầu tư
11	Trường Mẫu giáo Tân Tiến, huyện Bù Đốp	2717/QĐ-UBND ngày 20/10/2021	64	BQLDA đầu tư xây dựng huyện Bù Đốp	Không vượt tổng mức đầu tư
12	Xây dựng mương thoát nước ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng Sikico	2845/QĐ-UBND ngày 4/11/2021	98	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
13	Cầu bắc qua sông Bé trên đường ĐT.760 nối dài	3035/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	2.129	UBND huyện Bù Gia Mập	Không vượt tổng mức đầu tư
14	Sửa chữa đường trục chính khu công nghiệp Chơn Thành, huyện Chơn Thành	3017/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	687	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
15	Xây dựng đường giao thông và công viên khu di tích lịch sử căn cứ Bộ chỉ huy Miền Tả Thiết	160/QĐ-STC ngày 10/11/2021	1.264	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
16	Trường cấp 2,3 Minh Hưng, huyện Chơn Thành	3090/QĐ-UBND ngày 07/12/2021	6.717	UBND huyện Chơn Thành	Không vượt tổng mức đầu tư
17	Trường mầm non Minh Thành, huyện Chơn Thành	3081/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	1.885	UBND huyện Chơn Thành	Không vượt tổng mức đầu tư



Biểu số 2

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2022*Ban hành kèm theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)*

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2021			Kế hoạch vốn năm 2022	Chủ đầu tư
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó thu hồi các khoản vốn ứng trước		
	TỔNG SỐ		3.140.000	2.891.800	746.647	746.647	30.434	1.000.000	-
	Các chương trình mục tiêu		3.140.000	2.891.800	746.647	746.647	30.434	1.000.000	
I	Các dự án chuyển tiếp		2.255.000	2.021.800	746.647	746.647	30.434	726.800	
1	Giao thông		2.120.000	2.021.800	676.647	676.647	-	696.800	
1.1	Xây dựng đường kết nối các KCN phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài	2178/QĐ-UBND ngày 18/10/2019	220.000	171.800	100.000	100.000		71.800	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
1.2	Đường phía Tây QL 13 đoạn Chơn Thành - Hoa Lư tỉnh Bình Phước	2292/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 387/QĐ-UBND ngày 08/2/2021	1.450.000	1.450.000	355.647	355.647		500.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
1.3	Nâng cấp, mở rộng QL 13 đoạn từ ngã ba Lộc Tấn đến cửa khẩu quốc tế Hoa Lư	987/ QĐ-UBND ngày 7/5/2020	450.000	400.000	221.000	221.000		125.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Nông nghiệp, thủy lợi		135.000	-	70.000	70.000	-	30.000	
2.1	Xử lý cấp bách dự án thoát lũ suối Đá, thành phố Đồng Xoài	161a/QĐ-UBND ngày 21/7/202011/ NQ-HĐND ngày 13/7/2020	135.000		70.000	70.000		30.000	UBND TP Đồng Xoài
II	Các dự án khởi công mới năm 2022		885.000	870.000	-	-	-	273.200	
1	Giao thông		150.000	135.000	-	-	-	50.000	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2021			Kế hoạch vốn năm 2022	Chủ đầu tư
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó thu hồi các khoản vốn ứng trước		
1.1	Xây dựng đường và kè suối Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh (đoạn từ cầu Chế Biên đi cầu Đò xã Lộc Điền)	853/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	150.000	135.000	-			50.000	UBND huyện Lộc Ninh
2	Hạ tầng khu công nghiệp, KKT		585.000	585.000	-	-	-	170.000	
2.1	Nâng cấp, mở rộng đường từ khu công nghiệp Việt Kiều kết nối với khu với khu công nghiệp Minh Hưng Sikico huyện Hớn Quản	551/QĐ-UBND ngày 5/3/2021	185.000	185.000	-			70.000	UBND huyện Hớn Quản
2.2	Xây dựng tuyến đường từ khu quy hoạch trung tâm hành chính xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú kết nối với khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú	214/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	400.000	400.000	-			100.000	UBND huyện Đồng Phú
3	Quốc phòng		150.000	150.000	-	-	-	53.200	
3.1	Xây dựng đường vào các đồn biên phòng: Đắc Ô huyện Bù Gia Mập; Phước Thiện huyện Bù Đốp; Lộc An huyện Lộc Ninh;Lộc thiện huyện Lộc Ninh đi đường tuần tra biên giới	216/QĐ-UBND ngày 25/1/2021	150.000	150.000	-			53.200	Bộ chỉ huy bộ độ biên phòng tỉnh





Biểu số 3

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 35 /NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư								Kế hoạch vốn năm 2022
		Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMĐT						
				Trong đó:						
				Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				
				Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt			
							Tổng số	Trong đó:		
				Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại					
	TỔNG SỐ		495.558	43.627	43.627	20.338	451.931	316.351	135.580	68.900
1	Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước	2016/QĐ-UBND ngày 27/7/2016; 920/QĐ-UBND ngày 17/4/2017; 3204/QĐ-UBND ngày 7/12/2017	495.558	43.627	43.627	20.338	451.931	316.351	135.580	68.900

